TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ A** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST Ngày: 23-02-2024 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Bé S ;

2. Ông Võ Thành C ;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết V, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố A.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023**,** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 và Quyết D hoãn phiên tòa số:12/2024/QĐST-DS, ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Thị D, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp 2, xã T huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ông Dương Văn DD, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện nay: Khóm Mương nhà máy, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đoàn Thị D trình bày: Vào năm 1993 bà và ông Dương Văn DD cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N(nay là thành phố A), tỉnh Đồng Tháp vào ngày 21/11/2002. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tình cảm gia đình, vợ chồng cố hàn gắn để chăm lo cho con nhưng không hàn gắn được mà ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn, không còn hạnh phúc. Đến cuối năm 2013 ông DD dọn ra ở riêng cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được, bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về tình cảm: Bà yêu cầu được xin ly hôn với ông Dương Văn DD.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Dương Thị Tài L, sinh ngày 01/01/1994 và Dương Thị Thuý A, sinh ngày 01/01/1997, hiện các con đã trưởng thành tự lao động, sinh sống được, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Dương Văn DD vắng mặt và không có văn bản ý kiền trình bày gửi cho Toà án.

NHẬN D CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận D:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện Ly hôn nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy D tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Dương Văn DD đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Bà Đoàn Thị D thống nhất xét xử vắng mặt ông Dương Văn DD. Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự này. Vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Dương Văn DD.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà Đoàn Thị D yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn DD, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị D với ông Dương Văn DD cưới nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N(nay là thành phố A), tỉnh Đồng Tháp vào ngày 21/11/2002. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2013 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tình cảm gia đình, hai người cố hàn gắn để chăm lo cho con nhưng không hàn gắn được mà ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn, không còn hạnh phúc. Đến cuối năm 2013 ông DD dọn ra ở riêng cho đến nay. Bà Đoàn Thị D cho rằng giữa bà và ông DD không còn tình cảm và không thể nào sống với nhau được nữa, yêu cầu Toà án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông DD. Do ông DD không có văn bản ý kiến gửi cho Toà án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên căn cứ vào tài liệu, chứng cứ bà D cung cấp, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy D của pháp luật. Từ phân tích trên, xét thấy ông bà đã không còn sống chung với nhau từ năm 2013, có căn cứ chứng minh tình cảm giữa ông, bà

không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đoàn Thị D.

- Về con chung: Có hai con chung tên Dương Thị Tài L, sinh ngày 01/01/1994 và Dương Thị Thuý A, sinh ngày 01/01/1997, hiện các con đã trưởng thành tự lao động, sinh sống được, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Đoàn Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy D về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đoàn Thị D. Bà Đoàn Thị D được ly hôn với ông Dương Văn DD.

2/ Về con chung: Có hai con chung tên Dương Thị Tài L, sinh ngày 01/01/1994 và Dương Thị Thuý A, sinh ngày 01/01/1997, hiện các con đã trưởng thành tự lao động, sinh sống được, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị D cam kết tài sản chung vợ chồng không có, không có ý D tẩu tán tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Đoàn Thị D cam kết không có, không có ý D né tránh nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đoàn Thị D nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0001786 ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, bà Đoàn Thị D không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TPA
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh T

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trương Thị Bé Sáu – Võ Thành Công	**Huỳnh Thanh Tâm**